



TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ - LUẬT
KHOA TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG
BỘ MÔN TÀI CHÍNH

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin tổng quát:

Tên học phần tiếng Việt	QUẢN TRỊ TÀI CHÍNH
Tên học phần tiếng Anh	Financial Management
Mã học phần	
Thuộc khối kiến thức	<u>Kiến thức đại cương/ Kiến thức cơ sở ngành/ Kiến thức ngành/ Kiến thức chuyên ngành</u> ☒ Bắt buộc ☐ Tự chọn
Trình độ	Đại học
Ngành học	Tài chính – Ngân hàng
Khóa học	
Năm học	
Học kỳ	
Số tín chỉ	3 tín chỉ Lý thuyết (15 tiết/tín chỉ): 45 tiết Thực hành, thí nghiệm, thảo luận (45 tiết/tín chỉ): Tự học, tự nghiên cứu (30 giờ/tín chỉ): 90 giờ tự học
Môn học tiên quyết	Không
Môn học trước	
Môn học sau	
Môn học song hành	
Ngôn ngữ sử dụng trong giảng dạy	
Các giảng viên phụ trách giảng dạy	Nguyễn Hoàng Anh, Hồ Thị Hồng Minh, Hoàng Thọ Phú, Bùi Kim Phương, Trần Hùng Sơn, Tô Thị Thanh Trúc, Lê Hoàng Vinh, Nguyễn Hải Yến
Các giảng viên trợ giảng	

2. Mô tả môn học

(Vị trí của môn học đối với chương trình đào tạo (CTĐT), những mục đích và nội dung chính yếu của môn học)

Môn học Quản trị tài chính là môn học bắt buộc thuộc khối kiến thức cơ sở ngành trong CTĐT của các ngành thuộc khối Kinh doanh và quản lý và là môn bổ trợ ngành đối với ngành Kinh tế học. Đối với ngành Tài chính – Ngân hàng và Công nghệ tài chính, đây là môn học tiên quyết, cung cấp kiến thức nền tảng cho các môn học tiếp theo trong CTĐT như: Quản trị tài chính nâng cao, đầu tư tài chính. Môn học gồm 6 chương cung cấp những

kiến thức cơ bản về các chủ đề: các quyết định tài chính và mục tiêu quản lý tài chính doanh nghiệp, báo cáo tài chính và dòng tiền, lý thuyết rủi ro & lợi nhuận, định giá cổ phiếu và đánh giá dự án đầu tư.

Các nội dung bao quát trong chương trình gồm:

- Tổng quan về quản trị tài chính
- Báo cáo tài chính và dòng tiền
- Phân tích báo cáo tài chính
- Rủi ro và lợi nhuận
- Định giá cổ phiếu
- Các tiêu chí đánh giá hiệu quả tài chính dự án đầu tư

3. Tài liệu học tập

(Các giáo trình, tài liệu tham khảo, các phần mềm, không quá 5 cuốn)

Giáo trình:

[1]. Eugene F. Brigham, Joel F. Houston, *Quản trị tài chính – Bản dịch tiếng Việt (2019)*, hoặc *Fundamentals of Financial Management* 16th edition (2021), NXB Cengage.

Tài liệu khác:

[2]. Bradford D. Jordan, Stephen A. Ross, Randolph W. Westerfield (2021), *Fundamentals of Corporate Finance*, NXB McGraw- Hill.

[3]. Richard A. Brealey, Stewart C. Myers, et al (2022), *Fundamentals of Corporate Finance*, NXB McGraw- Hill.

[4] Schoenmaker, Dirk and Schramade, Willem, Corporate Finance for Long-Term Value (June 4, 2023). Corporate Finance for Long-Term Value, Springer, 2023., Available at SSRN: <https://ssrn.com/abstract=4468886> or <http://dx.doi.org/10.2139/ssrn.4468886>”

4. Mục tiêu môn học

(Các mục tiêu tổng quát của môn học, thể hiện sự liên quan với các chuẩn đầu ra (X.x.x) của CTĐT và trình độ năng lực (TĐNL) được phân bổ cho môn học)

Mục tiêu (COx) (1)	Mô tả mục tiêu (2)	CĐR của MH (CLOx) (3)	TĐNL (4)
-----------------------	-----------------------	--------------------------------	-------------

(2): Mô tả các mục tiêu bao gồm các động từ chủ động, các chủ đề CĐR và bối cảnh áp dụng tổng quát.

5. Chuẩn đầu ra môn học

Sau khi hoàn thành môn học, NH có thể:

CĐR (1)	Mô tả CĐR (2)	Chuẩn đầu ra CTĐT (PLOs – PI x.x)	Thang Bloom /Mức độ giảng dạy (I, T, U hoặc I, R, M) (3)
--------------------	--------------------------	--	---

CLO1	Diễn giải các quyết định quản trị tài chính và mục tiêu của quản trị tài chính doanh nghiệp.	PLO2 - PI 2.1	I3, T3
CLO2	Thực hiện phân tích báo cáo tài chính để đánh giá hiệu quả hoạt động kinh doanh và tình hình tài chính của doanh nghiệp.	PLO2 – PI 2.1	T3
CLO3	Diễn giải các khái niệm rủi ro và lợi nhuận trong đầu tư tài chính, giải thích ý nghĩa và cách vận dụng mô hình định giá tài sản tài chính (CAPM)	PLO2 – PI 2.1	T3,U3
CLO4	Giải thích mô hình định giá DCF và phương pháp xác định chi phí vốn.	PLO2 – PI 2.1	T3, U3
CLO5	Giải thích và so sánh các tiêu chí đánh giá hiệu quả tài chính dự án đầu tư.	PLO2 – PI 2.1	T3, U3
CLO6	Thể hiện kỹ năng thực hành, sử dụng tốt công nghệ để tìm kiếm, thu thập, tổng hợp và phân tích dữ liệu tài chính doanh nghiệp và thị trường tài chính.	PLO2 – PI 2.1	I3
CLO7	Trình bày, diễn giải, truyền đạt vấn đề và giải pháp về tài chính doanh nghiệp một cách hiệu quả. Hợp tác và làm việc nhóm hiệu quả	PLO4 – PI 4.1 PI 4.3	U3

(1): Ký hiệu CDR của môn học

(2): Mô tả CDR, bao gồm các động từ chủ động, các chủ đề CDR và bối cảnh áp dụng cụ thể.

(3): Thang Bloom (Cognitive domain; Affective domain; Psychomotor domain 6 mức độ)

I (Introduce): giới thiệu; T (Teach): dạy; U (Utilize): sử dụng hoặc I (Introduce): giới thiệu; R(Reinforced): tăng cường; M(Mastery): thành thạo. Ví dụ R3 – Mức độ tăng cường, ứng với thang đo bloom mức độ 3

6. Đánh giá môn học

- Yêu cầu chung của học phần theo quy chế:

+ Sinh viên vắng mặt trong buổi thi, đánh giá không có lý do chính đáng phải nhận điểm 0. Sinh viên vắng mặt có lý do chính đáng được dự thi, đánh giá ở một đợt khác và được tính điểm lần đầu.

+ Điểm thành phần: kết quả học tập một học phần được đánh giá theo quá trình học tập, thể hiện bởi các điểm thành phần được làm tròn tới một chữ số thập phân.

+ Điểm học phần được tính từ tổng các điểm thành phần nhân với trọng số tương ứng, được làm tròn tới một chữ số thập phân.

(Các thành phần, các bài đánh giá, các tiêu chí đánh giá, chuẩn đánh giá, và tỷ lệ đánh giá, thể hiện sự tương quan với các CDR của môn học)

Thành phần đánh giá (1)	Bài đánh giá (Ax.x) (2)	CDR môn học (CLOx) (3)	Tiêu chí đánh giá (4)	Thời lượng đánh giá (5)	Trọng số (6)	Trọng số con (7)
A1. Đánh giá quá trình	A1.1 Bài tập nhỏ cá nhân tại lớp hoặc về nhà	CLO1; CLO2; CLO3; CLO4; CLO5; CLO6; CLO7	- Quiz sau mỗi video bài giảng và review quiz sau mỗi chương. - Tham gia diễn đàn thảo luận và lớp học đồng bộ.	15 – 20 phút/lần	30%	10%
	A1.2. Tình huống làm theo nhóm	CLO2; CLO6; CLO7	- Làm bài phân tích tài chính công ty niêm yết theo outline GV phụ trách hướng dẫn. - Chấm bài theo Rubric chấm bài tập nhóm			20%
A2. Đánh giá giữa kỳ	A2.1. Tự luận lý thuyết	CLO1; CLO2; CLO7	- Đề bài kiểm tra do GV phụ trách lớp ra. - Chấm theo thang điểm trong đáp án của GV phụ trách	60 phút	20%	20%
	A2.2. Bài tập	CLO2; CLO7	- Đề bài kiểm tra do GV phụ trách lớp ra. - Chấm theo thang điểm trong đáp án của GV phụ trách			
A3. Đánh giá cuối kỳ	A3.1. Trắc nghiệm	CLO1; CLO2; CLO3; CLO4; CLO5	40 câu hỏi trắc nghiệm trích ra/ hiệu chỉnh từ ngân hàng đề thi. Cơ sở lý thuyết để trả lời câu hỏi và giải bài tập của đề thi trắc nghiệm dựa theo giáo trình	75 phút	50%	50%

(1): Các thành phần đánh giá của môn học.

(2): Ký hiệu các bài đánh giá

(3): Các CĐR được đánh giá.

(4): Tiêu chí đánh giá (sử dụng rubric) bài tập nhóm/cá nhân về nhà, bài tập nhóm/cá nhân tại lớp, dự án, đồ án môn học.....

(5): Thời lượng đánh giá theo phút tại lớp (nếu có)

(6): Trọng số các bài đánh giá trong tổng điểm môn học

(7): trọng số các bài đánh giá trong tổng điểm của thành phần đánh giá

- Thang điểm đánh giá: theo thang điểm 10, thang điểm 100 hoặc thang điểm 4 được dùng để ghi nhận và phân loại kết quả đánh giá. Thang điểm và cách xếp loại kết quả học tập được thực hiện như sau:

Xếp loại	Thang điểm hệ 10	Thang điểm hệ 100	Thang điểm hệ 4	
			Điểm số	Điểm chữ
Xuất sắc	Từ 9,0 đến 10,0	Từ 90 đến 100	4,0	A+
Giỏi	Từ 8,0 đến cận 9,0	Từ 80 đến cận 90	3,5	A
Khá	Từ 7,0 đến cận 8,0	Từ 70 đến cận 80	3,0	B+
Trung bình khá	Từ 6,0 đến cận 7,0	Từ 60 đến cận 70	2,5	B
Trung bình	Từ 5,0 đến cận 6,0	Từ 50 đến cận 60	2,0	C
Yếu	Từ 4,0 đến cận 5,0	Từ 40 đến cận 50	1,5	D+
Kém	Từ 3,0 đến cận 4,0	Từ 30 đến cận 40	1,0	D
	< 3,0	Dưới 30	0,0	F

- Học phần có điểm từ 5,0 trở lên được xem là học phần đạt, số tín chỉ của học phần này được tính là số tín chỉ tích lũy.

7. Kế hoạch giảng dạy chi tiết

(Các nội dung giảng dạy theo buổi học, thể hiện sự tương quan với các CĐR của môn học, các hoạt động dạy và học (ở lớp, ở nhà) và các bài đánh giá của môn học)

Lý thuyết

Tuần /Buổi học	Nội dung	CĐR môn học	CĐR CTĐT	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
1, 2	GIỚI THIỆU MÔN HỌC			-	

	Chương 1: KHÁI QUÁT VỀ QUẢN TRỊ TÀI CHÍNH 1.1. Khái niệm tài chính doanh nghiệp và quản trị tài chính 1.2. Chức năng của bộ phận tài chính 1.3. Các mục tiêu của doanh nghiệp và của quản trị tài chính 1.3.1 Mục tiêu QTTC truyền thống 1.3.2 “Sustainable development goal” trong QTTC 1.4. Các nhân tố quyết định giá trị doanh nghiệp 1.5. Mâu thuẫn lợi ích giữa cổ đông và ban quản lý 1.6. Các nguyên tắc quản lý tài chính doanh nghiệp	CLO1; CLO6; CLO7	K3, S1, S2, S4, S7, A2	- Dạy trực tuyến: tạo video bài giảng, tạo lớp học trực tuyến trên LMS, tạo bài tập quiz trên LMS. - Dạy trực tiếp: thuyết giảng, đặt câu hỏi, nêu vấn đề - Học ở nhà: Xem video, làm bài quiz , đọc tài liệu, tìm hiểu tình huống thực tế, viết báo cáo, trả lời câu hỏi cuối chương, tham gia diễn đàn thảo luận. - Học ở lớp: Nêu câu hỏi, nêu vấn đề, nghe giảng, trả lời câu hỏi, thảo luận.	A1.1; A2.1; A3.1
1, 2	Chương 2 : BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ DÒNG TIỀN 2.1. Bảng cân đối kế toán 2.2. Báo cáo thu nhập 2.3. Báo cáo lưu chuyển tiền 2.5. Dòng tiền tự do của doanh nghiệp 2.6. Giá trị kinh tế gia tăng (EVA) và giá trị thị trường gia tăng (MVA)	CLO2; CLO6; CLO7	K3, S1, S3, S4, S7, A2	- Dạy trực tuyến: tạo video bài giảng, tạo lớp học trực tuyến trên LMS, tạo bài tập quiz trên LMS. - Dạy trực tiếp: nêu tình huống, thuyết giảng, đặt câu hỏi, nêu vấn đề, giải thích, minh họa tính toán, giải bài tập. - Học ở nhà: Xem video, làm bài quiz, đọc tài liệu, tìm hiểu tình huống thực tế, viết báo cáo, trả lời câu hỏi cuối chương, tham gia diễn đàn thảo luận. - Học ở lớp: Nêu vấn đề, nghe giảng, trả lời câu hỏi, thảo luận. - Hoạt động nhóm: Làm bài tập nhóm	A1.1; A1.2; A2.1; A2.2 A3.1
3, 4	Chương 3: PHÂN TÍCH BÁO CÁO TÀI CHÍNH 3.1. Khái niệm, mục tiêu phân tích báo cáo tài chính 3.2. Giới thiệu các kỹ thuật phân tích báo cáo tài chính 3.3. Các tỷ số tài chính	CLO2; CLO6; CLO7;	K3, S1, S3, S4, S7, A2	- Dạy trực tuyến: tạo video bài giảng, tạo lớp học trực tuyến trên LMS, tạo bài tập quiz trên LMS. - Dạy trực tiếp: nêu tình huống, thuyết giảng, đặt câu hỏi, nêu vấn đề, giải thích, minh	A1.1; A1.2; A2.1; A2.2 A3.1

	3.4. Phân tích Dupont 3.5. Các hạn chế của phân tích tỷ số			họa tính toán, giải bài tập. - Học ở nhà: Xem video, làm bài quiz, đọc tài liệu, tìm hiểu tình huống thực tế, viết báo cáo, trả lời câu hỏi cuối chương, tham gia diễn đàn thảo luận. - Học ở lớp: Nêu vấn đề, nghe giảng, trả lời câu hỏi, thảo luận. - Hoạt động nhóm: Làm bài tập nhóm	
5, 6	Chương 4: LỢI NHUẬN VÀ RỦI RO 5.1. Khái niệm tỷ suất lợi nhuận và rủi ro 5.2. Đo lường rủi ro của tài sản riêng lẻ. 5.3. Lợi nhuận và rủi ro danh mục đầu tư 5.4. Quan hệ giữa rủi ro và tỷ suất lợi nhuận – CAPM, đường thị trường chứng khoán SML (securities market line)	CLO3; CLO6	K3, S1, S2, S7	- Dạy trực tuyến: tạo video bài giảng, tạo lớp học trực tuyến trên LMS, tạo bài tập quiz trên LMS. - Dạy trực tiếp: nêu tình huống, thuyết giảng, đặt câu hỏi, nêu vấn đề, giải thích, minh họa tính toán, giải bài tập. - Học ở nhà: Xem video, làm bài quiz, đọc tài liệu, làm bài tập thực tế, trả lời câu hỏi cuối chương, tham gia diễn đàn thảo luận. - Học ở lớp: Nêu vấn đề, nghe giảng, trả lời câu hỏi, thảo luận.	A1.1; A1.2; A3.1
6	THI GIỮA KỲ			- Thi tập trung tại lớp. - Làm bài tự luận theo đề của giảng viên phụ trách, thời gian 60 phút,	A2.1; A2.2
7, 8	Chương 5: ĐỊNH GIÁ CỔ PHIẾU 5.1 Giới thiệu các phương pháp định giá 5.2. Mô hình DCF tổng quát. 5.3. Các mô hình chiết khấu cổ tức. 5.4. Mô hình giá trị doanh nghiệp	CLO4; CLO6; CLO7	K3, S1, S3, S4	- Dạy trực tuyến: tạo video bài giảng, tạo lớp học trực tuyến trên LMS, tạo bài tập quiz trên LMS. - Dạy trực tiếp: nêu tình huống, thuyết giảng, đặt câu hỏi, nêu vấn đề, giải thích, minh họa tính toán, giải bài tập. - Học ở nhà: Xem video, làm bài quiz, đọc	A1.1; A1.2; A3.1

	5.5. Tỷ suất chiết khấu (chi phí vốn) 5.6 Mô hình định giá theo chỉ số thị trường 5.7 “Intergrated model for firm value”			tài liệu, làm bài tập thực tế, trả lời câu hỏi cuối chương, tham gia diễn đàn thảo luận. - Học ở lớp: Nêu vấn đề, nghe giảng, trả lời câu hỏi, thảo luận.	
9, 10	Chương 6: CÁC TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ DỰ ÁN ĐẦU TƯ 6.1. Các vấn đề chung về đầu tư và dự án đầu tư của doanh nghiệp 6.2. Các tiêu chí đánh giá dự án đầu tư. - PP - NPV - IRR - MIRR 6.3. So sánh NPV và IRR 6.4. Đánh giá dự án loại trừ có đời sống khác nhau 6.5 Integrated PV	CLO4; CLO5; CLO6	K3, S1, S3, S4	- Dạy trực tuyến: tạo video bài giảng, tạo lớp học trực tuyến trên LMS, tạo bài tập quiz trên LMS. - Dạy trực tiếp: nêu tình huống, thuyết giảng, đặt câu hỏi, nêu vấn đề, giải thích, minh họa tính toán, giải bài tập. - Học ở nhà: Xem video, làm bài quiz, đọc tài liệu, làm bài tập thực tế, trả lời câu hỏi cuối chương, tham gia diễn đàn thảo luận. - Học ở lớp: Nêu vấn đề, nghe giảng, trả lời câu hỏi, thảo luận.	A1.1; A1.2; A3.1
10	ÔN TẬP				

(1): Thông tin về tuần/buổi học.

(2): Liệt kê nội dung giảng dạy theo chương, mục

(3): Liệt kê CDR liên quan của môn học (ghi ký hiệu CLO_x)

(4): Liệt kê các hoạt động dạy và học (ở lớp, ở nhà), bao gồm đọc trước tài liệu (nếu có yêu cầu)

(5): Liệt kê các bài đánh giá liên quan (ghi ký hiệu Ax.x)

Thực hành

Tuần/Buổi học (1)	Nội dung (2)	CDR môn học (3)	Hoạt động dạy và học (4)	Bài đánh giá (5)
...	Bài thực hành 1: ...	CLO _x ...	Dạy: ... Học ở lớp: ...	Ax.x ...

			Học ở nhà: ...	
...				

(1): Thông tin về tuần/buổi học.

(2): Liệt kê nội dung thực hành theo bài thực hành.

(3): Liệt kê CDR liên quan của môn học (ghi ký hiệu CLO_x),

(4): Liệt kê các hoạt động dạy và học (ở lớp, ở nhà), bao gồm đọc trước tài liệu (nếu có yêu cầu)

(5): Liệt kê các bài đánh giá liên quan (ghi ký hiệu Ax.x)

8. Tổng thời lượng học tập

Hình thức	Hoạt động dạy và học	Số lần	Thời lượng (giờ)	Tổng thời lượng (giờ)
Thời lượng học trên lớp (bao gồm cả tuần thi)	Thuyết giảng tương tác, thảo luận, tham gia hoạt động, làm kiểm tra	15	2.5	37.5
Tự học ngoài giờ	Làm bài tập, nhiệm vụ trước và sau buổi học, đọc tài liệu	15	6.5	97.5
Bài tập tình huống Axx	Làm bài tập phân tích tài chính công ty niêm yết theo outline GV phụ trách đưa ra	1	12.25	12.25
Bài luận Axx				
Bài thuyết trình Axx				
Dự án nhóm Axx				
.....				
Thi giữa kỳ	Làm bài kiểm tra tự luận giữa kỳ	1	1.0	1.0
Thi cuối kỳ	Làm bài kiểm tra trắc nghiệm cuối kỳ	1	1.25	1.25
Tổng thời lượng				150
Tổng thời lượng/ giờ				
Chuyển đổi tín chỉ theo ECTS				

Ghi chú: 1 tiết = 50 phút = 5/6 giờ; 1 tín chỉ 50h học tập bao gồm cả thời gian học tập trên lớp, tự học, nghiên cứu, dự kiểm tra, đánh giá.

9. Quy định của môn học

(Các quy định của môn học (nếu có), thí dụ: sinh viên không nộp bài tập và các báo cáo đúng hạn, được coi như không nộp bài; sinh viên vắng 2 buổi thực hành trở lên, không được phép dự thi cuối kỳ...)

- Thực hiện đầy đủ các yêu cầu của lớp học MOOC quản trị tài chính.
- Hoàn thành tất cả các bài tập nhóm và bài tập cá nhân.
- Đọc tài liệu tham khảo bắt buộc theo yêu cầu của giảng viên: Giảng viên sẽ kiểm tra bằng cách gọi tên ngẫu nhiên yêu cầu trình bày một số nội dung trong bài đọc.
- Sinh viên nộp trễ hạn bài tập trên LMS sẽ bị trừ 50% số điểm của bài tập đó.
- Sinh viên vắng mặt trong buổi thi giữa kỳ không có lý do chính đáng phải nhận điểm 0. Sinh viên vắng mặt có lý do chính đáng được dự thi, đánh giá ở một đợt khác và được tính điểm lần đầu.
- Thực hiện các hoạt động học tập khác do giảng viên yêu cầu.

10. Phụ trách môn học

- Khoa: Tài Chính Ngân Hàng
- Bộ môn: Tài Chính
- Địa chỉ và email liên hệ: anhhnh@uel.edu.vn

11. Đề cương được cập nhật và biên soạn ngày: 25.12.2024

12. Đề cương được thẩm định và thông qua ngày:

TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 12 năm 2024

GIẢNG VIÊN LẬP ĐỀ CƯƠNG



Tô Thị Thanh Trúc

TRƯỞNG BỘ MÔN



Nguyễn Hoàng Anh

TRƯỞNG KHOA



Nguyễn Anh Phong

PHỤ LỤC 1

MỘT SỐ RUBRIC GIẢNG VIÊN TỰ THIẾT KẾ CHO CÁC BÀI ĐÁNH GIÁ

Rubric đánh giá kỹ năng thuyết trình

Mô tả tiêu chí	Điểm tối đa	Điểm	Nhận xét của giảng viên
Nội dung (45%)			
Bài thuyết trình có mục đích, chủ đề và bố cục rõ ràng (giới thiệu, các nội dung chính, kết luận vấn đề).	10		
Biết chọn lọc nội dung làm điểm nhấn trong bài thuyết trình, tránh lan man. Đồng thời, vẫn bảo đảm đầy đủ những kiến thức cơ bản về vấn đề cần trình bày.	5		
Đưa ra những ví dụ thích hợp, dữ kiện và hoặc số liệu thống kê; hỗ trợ cho kết luận ý tưởng bằng dẫn chứng cụ thể.	10		
Thông tin đưa ra chính xác, khoa học và cập nhật.	5		
Trình bày thông tin theo trình tự hợp lý, an ninh thú vị thuận tiện cho việc theo dõi bài thuyết trình.	5		
Bài trình bày không có lỗi chính tả hoặc lỗi ngữ pháp và quá nhiều chữ trong slide thuyết trình.	5		
Câu trả lời trôi chảy, logic và rõ ràng, thể hiện rõ được sự hiểu biết sâu sắc về chủ đề.	5		
Hình thức (20%)			
Có sử dụng các công cụ, thiết bị hỗ trợ bài trình chiếu (powerpoint/prezi, infographic, hình ảnh, sơ đồ bảng biểu, bản đồ...).	5		
Các công cụ hỗ trợ có hình thức tốt (hình ảnh sắc nét, kích thước không quá nhỏ, cỡ chữ trình chiếu hợp lý, dễ nhìn, phóng nền làm nổi bật chữ viết...).	5		
Sử dụng công cụ hỗ trợ phù hợp nội dung thuyết trình (hình ảnh phù hợp nội dung, các sơ đồ bảng biểu thiết kế hợp lý...)	5		
Có sự sáng tạo, ấn tượng trong việc sử dụng các công cụ, thiết bị hỗ trợ.	5		
Phong cách (20%)			

Phong thái tự tin, chuyên nghiệp, nhiệt huyết trình bày chủ đề.	5		
Sử dụng ngôn ngữ nói, ngôn ngữ hình thể, tốc độ nói và âm lượng phù hợp. Nói trôi chảy, mạch lạc, không bị ngắt quãng, ề à hoặc có những từ ngữ thừa (à, ờ, thì, mà, là...)	5		
Thu hút sự chú ý của người nghe, luôn tương tác với người nghe (giao lưu bằng ánh mắt).	5		
Thuyết phục người nghe nhận ra tính hợp lý và tầm quan trọng của chủ đề trình bày.	5		
Thời gian (5%)			
Thời gian thuyết trình vừa đủ, không vi phạm thời gian tối thiểu hoặc tối đa cho phép.	5		
Hợp tác nhóm (10%)			
Có sự phân chia công việc hợp lý giữa các thành viên trong nhóm.	5		
Có sự hỗ trợ, kết hợp giữa các thành viên khi lên thuyết trình.	5		

Tổng cộng: .../100 điểm

Rubric đánh giá bài tập nhóm (poster, bài báo cáo ngắn)

Mô tả tiêu chí	Điểm tối đa	Điểm	Nhận xét của giảng viên
Nội dung (70%)			
Bài báo cáo/ poster có chủ đề và bố cục rõ ràng	10		
Có ví dụ, dữ kiện, số liệu bổ sung cho lập luận	20		
Thông tin đưa ra chính xác, khoa học và cập nhật.	10		
Không mắc lỗi chính tả, ngữ pháp	10		
Thể hiện đầy đủ nội dung yêu cầu	20		
Hình thức (20%)			
Có sử dụng các công cụ, thiết bị hỗ trợ (powerpoint/prezi, infographic, hình ảnh, mindmap..).	10		
Có tính thẩm mỹ, dễ theo dõi, dễ đọc	5		
Hình ảnh minh họa phù hợp với nội dung	5		
Tính sáng tạo (10%)			
Có sự sáng tạo, ấn tượng trong việc sử dụng các công cụ, thiết bị hỗ trợ.	10		

Tổng	100		
-------------	------------	--	--

PHỤ LỤC 2

**MẪU BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ MỨC ĐỘ NGƯỜI HỌC
ĐẠT ĐƯỢC CHUẨN ĐẦU RA HỌC PHẦN (THAM KHẢO)**

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ -
LUẬT
Khoa/Bộ môn ...**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày ... tháng ... năm ...

BÁO CÁO

Đánh giá mức độ người học đạt CĐR học phần

Học kỳ: Năm học:

I. Thông tin chung

Tên học phần: Mã học phần:

.....

Số tín chỉ:

.....

Giảng viên phụ trách:

.....

Chương trình đào tạo (CTĐT):

.....

II. Kế hoạch đánh giá

Bảng 1. Kế hoạch đánh giá mức độ người học đạt CĐR học phần (CLO)

Kí hiệu CLO	Nội dung CLO	Cần đánh giá mức độ CLO	Có sử dụng để đánh giá mức độ PLO	PP/công cụ đánh giá	Thu thập dữ liệu		Phân tích dữ liệu và viết báo cáo	Mục tiêu	
					Dữ liệu được lấy từ	Đơn vị/cá nhân phụ trách		Tiêu chí đạt	Mục tiêu
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
CLO 1									
CLO 2									
...									
...									

Chú thích các cột:

(1) Liệt kê tất cả các CLO

(2) Nêu nội dung của CLO tương ứng

(3) Đánh dấu X vào CLO cần đo lường đánh giá mức độ đạt. Ưu tiên đánh giá mức độ người học đạt được các CLO cốt lõi, quan trọng nhất của học phần, đặc biệt là các CLO có mức độ đóng góp và hỗ trợ đạt được chuẩn đầu ra CTĐT (PLO) ở mức R hoặc mức M. Khuyến khích giảng viên đánh giá mức độ đạt tất cả các chuẩn đầu ra của học phần (nếu có thể).

(4) Đánh dấu X vào ô tương ứng nếu học phần có sử dụng CLO của hàng tương ứng trong bảng để đo lường đánh giá mức độ người học đạt PLO. Trong đề cương chi tiết học phần cũng cần mô tả rõ CLO tương ứng của học phần này sẽ được sử dụng làm dữ liệu để đo lường đánh giá các PLO.

(5) Phương pháp kiểm tra đánh giá bao gồm phương pháp đánh giá trực tiếp, đánh giá gián tiếp, đánh giá tổng kết, đánh giá quá trình. Công cụ đánh giá trực tiếp bao gồm: bài thi tự luận, trắc nghiệm, vấn đáp, thuyết trình, dự án capstone, chứng chỉ chuyên môn, bài tiểu luận,... Công cụ đánh giá gián tiếp bao gồm: phỏng vấn, khảo sát, đánh giá dữ liệu thống kê...

(6) Dữ liệu có thể được lấy từ bài thi cuối kỳ, và/hoặc bài thi giữa kỳ, hoặc đánh giá quá trình (bài tập lớn, dự án, làm việc nhóm, thí nghiệm thực hành...). Trong trường hợp CLO được đánh giá thông qua một phần hoặc một số câu của bài thi - kiểm tra thì cần chú thích rõ, Ví dụ: để đánh giá mức độ đạt CLO1, cần lấy dữ liệu từ câu 1-10 (phần thi trắc nghiệm) của bài thi cuối kỳ. **Lưu ý:** điểm số của cả bài thi hay một phần bài thi cần được quy đổi về thang điểm 4 mức A, B, C, D để thuận tiện cho việc đánh giá và đối sánh mức độ đạt CLO.

(7) Nêu tên đơn vị/cá nhân có trách nhiệm cung cấp dữ liệu (ví dụ như Phòng/Tổ Khảo thí và ĐBCLGD) hoặc thống kê và nhập dữ liệu (ví dụ như tên giảng viên phụ trách học phần) phục vụ cho việc đánh giá mức độ người học đạt CLO.

(8) Nêu tên đơn vị/cá nhân phụ trách rà soát, tổng hợp, phân tích dữ liệu và viết báo cáo đánh giá học phần.

(9) Tiêu chí đạt giúp xác định xem người học có đạt được CLO hay không, trong đó, cần chỉ rõ mức kết quả học tập mà người học cần đạt để được coi là đáp ứng CLO. Ví dụ: tiêu chí đạt là điểm C trở lên (bao gồm điểm A, B và C) trong thang điểm 4 mức.

(10) Mức mục tiêu: xác định tỷ lệ người học sẽ đạt được CLO với tiêu chí đạt đã được xác định ở cột (9). Ví dụ 75% người học sẽ đạt được CLO1. Đây được xem là kỳ vọng của giảng viên đối với người học trong việc đạt được CLO.

III. Kết quả đánh giá

1. Thống kê tỷ lệ người học đạt được CLO

Bảng 2. Thống kê tỷ lệ người học đạt được CLO

CLO	Tổng số NH	Phân loại								Tỷ lệ NH đạt	
		NH đạt điểm A		NH đạt điểm B		NH đạt điểm C		NH đạt điểm D		Đạt	Không đạt
		Số NH	Tỷ lệ %	Số NH	Tỷ lệ %	Số NH	Tỷ lệ %	Số NH	Tỷ lệ %		

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
CLO1											
CLO2											
...											

Chú thích các cột:

(1) Chi liệt kê các CLO cần đánh giá dựa vào kế hoạch đánh giá được xây dựng ở Bảng 1.

(2) Tổng số người học tham gia học học phần.

(3) và (4) Điền lần lượt số người học đạt được điểm A (trong thang điểm 4 mức) và tỷ lệ phần trăm người học đạt điểm A so với tổng số người học ở cột (2).

(5) và (6) Điền lần lượt số người học đạt được điểm B (trong thang điểm 4 mức) và tỷ lệ phần trăm người học đạt điểm B so với tổng số người học ở cột (2).

(7) và (8) Điền lần lượt số người học đạt được điểm C (trong thang điểm 4 mức) và tỷ lệ phần trăm người học đạt điểm C so với tổng số người học ở cột (2).

(9) và (10) Điền lần lượt số người học đạt được điểm D (trong thang điểm 4 mức) và tỷ lệ phần trăm người học đạt điểm D so với tổng số người học ở cột (2).

2. Nhận xét, đánh giá chung

Bảng 3. Nhận xét đánh giá chung về học phần

STT	Vấn đề tồn tại của học phần	Nguyên nhân có thể	Giải pháp cải tiến
1			
2			
...			

Lưu ý: Trên cơ sở phân tích kết quả thống kê ở Bảng 2 và đối sánh với dữ liệu tỷ lệ đạt ở thời điểm đánh giá trước (nếu có), đơn vị/cá nhân phụ trách viết báo cáo đánh giá học phần đưa ra nhận xét đánh giá chung về những tồn tại của học phần cũng như giải pháp cải tiến (nếu cần) nhằm không ngừng cải tiến, nâng cao chất lượng đào tạo, đáp ứng được mục tiêu đào tạo và CDR học phần.

3. Kết luận

...

Trân trọng./.

**XÁC NHẬN CỦA
TRƯỞNG KHOA/TRƯỞNG BỘ
MÔN**

..., ngày ... tháng ... năm ...
NGƯỜI BÁO CÁO
(Ký và ghi rõ họ và tên)

PHỤ LỤC 3

MỘT SỐ THANG ĐO THIẾT KẾ CHUẨN ĐẦU RA HỌC PHẦN (THAM KHẢO)

I. Thang đo đánh giá nhận thức Bloom (1 – 6) (THAM KHẢO)

Cấp độ miền nhận thức	Các động từ
Sáng tạo	Tạo ra, lập kế hoạch, sáng tác, phát triển, sáng tạo, sáng chế, tổ chức, xây dựng, sản xuất, biên soạn, thiết kế, tổ hợp lại.
Đánh giá	Xếp hạng, đánh giá, giám sát, kiểm tra, thử nghiệm, phán quyết.
Phân tích	Phân tích, chia nhỏ, so sánh, chọn lọc, làm tương phản, bóc tách, phân biệt, xác định, nhận dạng, phác thảo.
Vận dụng	Triển khai, tổ chức, giải quyết, xây dựng, biểu diễn, phát hiện, thực hiện, sửa đổi, điều khiển, thay đổi, vận hành, dự báo, chuẩn bị, sản xuất, chỉ ra, giải quyết, chọn.
Hiểu	Minh họa, bảo vệ, so sánh, ước lượng, giải thích, phân loại, phổ biến, diễn giải, viết lại, suy đoán, tổng hợp lại, dịch.

Nhớ	Định nghĩa, mô tả, xác định, kể tên, liệt kê, trình bày, nhắc lại, kể lại, nhận biết, tái tạo, chọn lọc, cho thấy, định vị.
------------	---

Nguồn: (1) L.W. Anderson và cộng sự, A Taxonomy for Learning, Teaching, and Assessing: A Revision of Bloom's Taxonomy of Educational Objectives. New York: Longman, 2001

(2) D.Krathwohl, "A revision of Bloom's Taxonomy: An Overview", Theory into Practice, Vol.41, No.4, pp.212-218, 2002.

II. Thang đo đánh giá kỹ năng Dave (1970)

Cấp độ miền tâm vận động	Động từ thường dùng	Ví dụ CDR
Tự nhiên hóa	Xây dựng; Biên soạn; Tạo ra; Thiết kế; Chỉ rõ; Quản lý; Phát minh; Khởi tạo; Sáng tạo; Tự nhiên hóa; Sản xuất	- <i>Xây dựng một học thuyết mới.</i> - <i>Tạo ra một phương pháp mới về....</i>
Phối hợp	Giải quyết; Thích nghi; Kết hợp; Phối hợp; Tích hợp; Hình thành; Phát triển; Làm chủ; Điều chỉnh; Sửa đổi; Thích nghi,...	- <i>Có thể kết hợp</i> - <i>Có thể</i>
Chuẩn hóa	Chứng minh; Hoàn thành; Hiệu chỉnh; Kiểm soát; Đạt được; Làm chủ; Tinh chỉnh; Sử dụng...	- <i>Làm chủ</i>
Thao tác	Xây dựng; Thực hiện; Triển khai; Thu nhận; Vận hành; Tái sản xuất,...	- <i>Thực hiện được động tác</i>
Bắt chước	Sao chép; Theo dõi; Bắt chước; Lặp lại; Tái tạo; Phóng theo; Phát họa; Chép lại,...	- <i>Lặp lại</i> - <i>Hát lại được</i>

Nguồn: Janice Miller-Young, A Guide to Learning Outcomes at the University of Alberta. Edmonton, Alberta: Centre for Teaching and Learning, University of Alberta, 2018.

III. Thang đo đánh giá đạo đức và trách nhiệm Krathwohl

